

PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN CHI PHÍ VẬT TƯ

có thời gian tiêu hao dài ngày tại các doanh nghiệp khai thác than - Vinacomin

● TS. NGUYỄN NGỌC KHÁNH - ThS. PHẠM KIÊN TRUNG - CN. LÊ VĂN CHIẾN
Trường Đại học Mở - Địa chất

VẬT TƯ CÓ THỜI GIAN TIÊU HAO DÀI NGÀY CHIẾM KẾT CẤU CHI PHÍ LỚN TRONG TỔNG CHI PHÍ VẬT TƯ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHAI THÁC THAN - VINACOMIN, BÀI BÁO CUNG CẤP MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN CHI PHÍ VẬT TƯ CÓ THỜI GIAN TIÊU HAO DÀI NGÀY PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHAI THÁC THAN - QUA ĐÓ GÓP PHẦN HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI VINACOMIN.

Căn cứ vào những hạn chế, khó khăn trong việc hạch toán chi phí vật tư dài ngày tại các doanh nghiệp khai thác than - Vinacomin, có thể đề xuất một số phương án giao khoán và quyết toán chi phí vật tư trên cơ sở thống nhất quan điểm sản lượng kế hoạch và sản lượng nghiệm thu hàng kỳ là căn cứ quan trọng trong việc hạch toán. Những phương án hạch toán chi phí vật tư có thời gian tiêu hao dài ngày có thể thực hiện như sau:

1. Phương án 1 - Theo khối lượng sản xuất kế hoạch và thực tế nghiệm thu

a. Xác định chi phí vật tư kế hoạch giao khoán (C_{KH}^l):

$$C_{KH}^l = \sum_{i=1}^n M_{VTi} \times Q_{KH} \times ĐG_{VTi} \quad \text{đồng (1)}$$

$i = 1 \div n$: chỉ số loại vật tư tiêu hao.

M_{VTi} : mức tiêu hao vật tư thứ i (đvvt/đvsp).

Q_{KH} : khối lượng sản xuất kế hoạch trong kỳ (đvsp).

$ĐG_{VTi}$: đơn giá vật tư tiêu hao thứ i (đồng/đvvt).

b. Xác định doanh thu thực hiện trong kỳ (DT_{TH}):

$$DT_{TH} = \sum_{i=1}^n Q_{TH} \times C_{VTi} \quad \text{đồng (2)}$$

Q_{TH} : khối lượng sản xuất nghiệm thu trong kỳ (đvsp).

C_{VTi} : đơn giá vật tư tiêu hao thứ i tính trên 1 đơn vị sản phẩm (đồng/đvsp).

$$C_{VTi} = G_{VTi} \times K_1 \times K_2 \times \dots \times K_n \quad (3)$$

G_{VTi} : đơn giá vật tư tiêu hao thứ i tính trên 1 đơn vị sản phẩm chưa điều chỉnh theo các điều kiện thực tế phát sinh (đồng/đvsp). G_{VTi} có thể xác định theo quy chế của công ty hoặc tính toán theo công thức dưới đây:

$$C_{VTi} = \frac{C_{KH}^l}{\text{Sản lượng kế hoạch}} \quad \text{đồng/sản phẩm (4)}$$

$K_1 \div K_n$: hệ số điều chỉnh công ty xây dựng tùy theo điều kiện thực tế tại công ty như hệ số điều chỉnh theo chất lượng thiết bị, theo môi trường làm việc của thiết bị, theo chiều dài thiết bị (máng cào, băng tải) v.v...

c. Xác định giá trị tiết kiệm (+), lãng phí (-)

$$E = DT_{TH} - C_{TH} \quad ; \quad \text{đồng (5)}$$

E : kết quả tiết kiệm chi phí trong kỳ, tiết kiệm (+), lãng phí (-).

C_{TH} : chi phí vật tư dài ngày được thanh toán xác định theo công thức (1).

Phương án 1 có ưu điểm là đơn giản, dễ hiểu, khi hạch toán đã gắn với kết quả hoạt động sản xuất trong kỳ. Hạn chế: đòi hỏi việc giao kế hoạch sản xuất trong kỳ phải sát với điều kiện thực tế.

2. Phương án 2 - Theo công suất thiết kế, khối lượng sản xuất kế hoạch và thực tế nghiệm thu

Khác biệt giữa Phương án 2 và Phương án 1 là việc xác định hệ thống mức vật tư theo công suất thiết

kế, cụ thể chi phí vật tư kế hoạch giao khoán (C_{KH}) sẽ được tính toán như sau:

$$C_{KH} = \sum_{i=1}^n M_{VTi} \times Q_{KH} \times \Delta G_{VTi} \quad \text{đồng} \quad (6)$$

$i = 1 \div n$: chỉ số loại vật tư tiêu hao.

M_{VTi} : mức tiêu hao vật tư thứ i tính theo công suất thiết kế (đvvt/đvsp).

Phương án 2 có ưu điểm là khuyến khích các đơn vị sử dụng có hiệu quả vật tư, chi phí vật tư tính toán theo mức tiêu hao vật tư điều chỉnh theo công suất thiết kế, đồng thời gắn với khối lượng sản xuất kế hoạch. Hạn chế: hệ thống mức tiêu hao vật tư theo công suất thiết kế có thể chênh lệch nhiều so với hệ thống mức công ty đang áp dụng theo hướng dẫn của Vinacomin.

3. Phương án 3 - Theo giờ hoạt động, khối lượng sản xuất kế hoạch và thực tế nghiệm thu

+ Chi phí vật tư kế hoạch giao khoán

$$(C_{KH}^3) = \sum_{j=1}^m C_{TGj} \times T_{KH}$$

$j = 1 \div m$: chỉ số loại vật tư hoặc tổ hợp vật tư theo thiết bị.

C_{TG} : Chi phí bình quân cho một giờ làm việc theo định mức thời gian (đồng/giờ).

$$C_{TG} = \frac{\sum_{i=1}^n M_{VTi} \times Q_{KH} \times \Delta G_{VTi}}{T} \quad (\text{đồng/giờ})$$

$i = 1 \div n$: chỉ số loại vật tư tiêu hao. M_{VTi} : mức tiêu hao vật tư thứ i (đvvt/đvsp).

Q_{KH} : khối lượng sản xuất kế hoạch trong kỳ (đvsp).

ΔG_{VTi} : đơn giá vật tư tiêu hao thứ i (đồng/đvvt).

T : thời gian chế độ cho từng thiết bị hoặc tổ hợp thiết bị (giờ).

T_{KH} : thời gian kế hoạch cho từng thiết bị hoặc tổ hợp thiết bị (giờ).

Khi xác định giá trị tiết kiệm (+), lãng phí (-), cần lưu ý chi phí vật tư dài ngày được thanh toán,

$$C_{TH} = C_{TG} \times T_{TT} \quad (\text{đồng})$$

T_{TT} : thời gian làm việc thực tế cho từng thiết bị hoặc tổ hợp thiết bị (giờ).

Phương án 3 có những ưu điểm là việc giao khoán không chỉ gắn với kế hoạch sản xuất giao trong kỳ mà còn gắn với thời gian làm việc của máy móc thiết bị. Hạn chế: xác định thời gian làm việc theo chế độ, theo kế hoạch, cũng như việc thống kê thời gian làm

việc thực tế của máy móc thiết bị khó chính xác.

4. Phương án 4 - Theo chi phí vật tư tiêu hao thường xuyên, khối lượng sản xuất kế hoạch và thực tế nghiệm thu

Xác định chi phí vật tư kế hoạch giao khoán (C_{KH}): theo công thức (1), ngoài ra, công ty cũng tính toán tỷ lệ chi phí vật tư tiêu hao dài ngày thứ k tính bình quân trên 1 đơn vị chi phí vật tư tiêu hao thường xuyên giao khoán (α) làm căn cứ xác định chi phí vật tư có thời gian tiêu hao dài ngày được thanh toán trong kỳ:

$k = 1 \div a$: chỉ số loại vật tư có thời gian tiêu hao dài ngày.

$$\alpha_k = \frac{\text{Kế hoạch chi phí vật tư tiêu hao dài ngày thứ } k}{\text{Kế hoạch chi phí vật tư tiêu hao thường xuyên}} \quad (\text{đồng/đồng})$$

Khi xác định giá trị tiết kiệm (+), lãng phí (-), lưu ý chi phí vật tư dài ngày được thanh toán xác định =

Phương án 4 có ưu điểm là phân bổ chi phí vật tư có thời gian tiêu hao dài ngày dựa trên kết quả của đơn vị. Khuyến khích đơn vị nhận giao khoán tăng số lượng, chất lượng sản phẩm và thực hiện tốt việc tiết kiệm các vật tư tiêu hao thường xuyên trong quá trình giao khoán. Nhược điểm: Tính toán tương đối phức tạp.

Tóm lại, với những lập luận, tính toán cho các phương án nêu trên nhận thấy bất kỳ phương án nào cũng đều có những ưu điểm, hạn chế nhất định, nhưng Phương án 3 có ưu điểm vượt trội hơn hẳn do không chỉ gắn với kết quả hoàn thành công việc trong kỳ, mà còn gắn với hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị, qua đó thúc đẩy các đơn vị sử dụng máy có hiệu quả. Tuy nhiên, nếu triển khai Phương án 3 sẽ gây nhiều xáo trộn trong công tác quản lý, do vậy trong giai đoạn đầu chỉ có thể áp dụng Phương án 1 ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (2013), Quyết định 1166/QĐ-HĐTV ngày 01/07/2013 ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Vinacomin, Hà Nội, 2013.
2. Báo cáo công tác quản trị chi phí năm 2012 tại Công ty cổ phần Than Hà Lâm, Công ty cổ phần Than